

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ 3/2020**

"-Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

-Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

ĐVT: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 3/2020	Ước thực hiện/Dự toán năm(Tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý so với cùng kỳ năm trước
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
1	Số thu phí, lệ phí	500	231.82	46	
1.1	Lệ phí Hải quan				
1.2	Phí Hải quan	500	334	67	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	500	334	67	
2.1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính	500	334	67	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	500	334	67	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí				
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>				
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>				
1	Chi quản lý hành chính	73,096	41,989	57	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	73,096	41,989	57	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	<i>-Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>				

	-Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	-Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>			
1	Chi quản lý hành chính			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
5	Chi bảo đảm xã hội			
6	Chi hoạt động kinh tế			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			

III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

An Giang, ngày 5 tháng 10 năm 2020

**CỤC TRƯỞNG**



**Trần Quốc Hoàn**

# **THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NSNN QUÝ 3/2020**

## **I. Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí:**

### 1. Số thu phí, lệ phí:

- Dự toán thu năm 2020: 500 triệu đồng
- Thực hiện đến 30/9/2020: 334,8 triệu đồng, đạt 67% dự toán TCHQ giao.

### 2. Chi từ nguồn thu phí được để lại:

- Dự toán chi năm 2020: 500 triệu đồng.
- Thực hiện đến 30/9/2020: 334 triệu đồng.

## **II. Dự toán chi ngân sách nhà nước:**

- Dự toán TCHQ giao: 73.096.732.694 đồng.
- Chi NSNN đến 30/9/2020 : 41.989.183.990 đồng, đạt 57% dự toán TCHQ giao,

trong đó:

+ Chi thanh toán cá nhân và chi quản lý hành chính: 38.350.976.271 đồng, đạt 64% dự toán TCHQ giao.

+ Chi các nhiệm vụ chuyên môn đặc thù: 2.730.070.275 đồng, đạt 60% dự toán TCHQ giao. Bao gồm các nội dung: chi làm thêm giờ; chi các nghiệp vụ đặc thù về chống buôn lậu, kiểm tra, kiểm soát, tình báo hải quan; Chi huấn luyện và nuôi chó nghiệp vụ; Chi đào tạo, bồi dưỡng và tập huấn nghiệp vụ; Chi huấn luyện và nuôi chó nghiệp vụ, chi quản lý rủi ro và các khoản chi nghiệp vụ đặc thù khác; chi trang chế phục.

+ Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng, ứng dụng công nghệ thông tin, mua sắm, sửa chữa tài sản: 908.137.444 đồng, đạt 11% dự toán TCHQ giao.

